TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐST
Ngày 22/3/2019
V/v Xin ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và ông Lê Văn Tập

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 974/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐH-TA ngày 06/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: 88/31 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C – Sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 88/31 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Đình C tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài hơn mười năm nay chị đã cố gắng hàn gắn và giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay mâu thuẫn ngày một nhiều hơn và vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, chị cũng không thể chấp nhận việc chồng chửi bới, đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng ngày càng nặng nề dẫn đến không còn chia sẻ được với nhau nên nay chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1/ cháu Nguyễn Đình K - Sinh ngày: 13/5/2004.

2/ cháu Nguyễn Đình K1 - Sinh ngày: 18/4/2012.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình C trình bày: anh C thừa nhận lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân và con chung như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân thì nhiều nhưng chủ yếu là chuyện làm ăn và tiền vay, từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau nên vợ tôi đòi ly hôn, thực tế đây là lần thứ 4 vợ tôi gửi đơn lên Tòa án về việc xin ly hôn. Tuy nhiên tôi xét thấy tình cảm vẫn còn vợ chồng vẫn còn cơ hội để hàn gắn được với nhau để nuôi dạy con chung, vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1. cháu Nguyễn Đình K - Sinh ngày: 13/5/2004.

2. cháu Nguyễn Đình K1 - Sinh ngày: 18/4/2012.

Nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo tố tụng của Hội đồng xét xử và đương sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật dân sự tại phiên toà. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H là có căn cứ cần chấp nhận xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con giao con chung là cháu Nguyễn Đình K - Sinh ngày: 13/5/2004 cho anh Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung cháu Nguyễn Đình K1 - Sinh ngày: 18/4/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H, anh C không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H, anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Đình C đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của chị H, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H anh C tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của chị H anh C thì trong quá trình chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn kéo dài hơn 10 năm nay nguyên nhân do anh C nguyên nhân chủ yếu phát sinh là do chuyện làm ăn và do vay nợ từ đó vợ chồng thường hay cãi vã nhau ảnh hưởng tới cuộc sống và các con. Hiện nay, tình cảm vợ chồng ngày càng nặng nề không còn chia sử được với nhau.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị H anh C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/01/2004 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và có sinh sống tại số nhà 88/31 đường N, tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống giữa chị H và anh C có mâu thuẫn gì xảy ra thì chính quyền địa phương không nắm được do chị H anh C không báo cáo, cũng không thông qua hòa giải tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H anh C xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H xin ly hôn anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung, cháu Nguyễn Đình K - Sinh ngày: 13/5/2004 và cháu Nguyễn Đình K1 - Sinh ngày: 18/4/2012.

Chị H, anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Xét điều kiện của chị H và anh C đều đảm bảo đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị H và anh C mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Đình K - Sinh ngày: 13/5/2004 cho anh Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung cháu Nguyễn Đình K1 - Sinh ngày: 18/4/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Đình C và chị Nguyễn Thị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị Huyền đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0008523 ngày 23/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Đình C không phải chịu tiền án phí

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh